

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: 0601233898**

**Đăng ký lần đầu: ngày 25 tháng 04 năm 2022**

**Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 25 tháng 02 năm 2025**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NIKKO PHARMA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NIKKO PHARMA JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NIKKO PHARMA JSC

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*19 phố Phạm Đạo Bảo, Phường Cửa Nam, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

Điện thoại: 0919469788

Fax:

Email:

Website:

**3. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.**

*Bằng chữ: Mười tỷ đồng*

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần: 100.000

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* **Họ và tên: TRẦN TRỌNG TRÌNH**

**Giới tính: Nam**

**Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc**

**Sinh ngày: 01/02/1994**

**Dân tộc: Kinh**

**Quốc tịch: Việt Nam**

**Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân**

**Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036094018230**

**Ngày cấp: 09/09/2022**

**Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật  
tự xã hội**

**Địa chỉ thường trú: Số 17/24 Đường Nguyễn Du, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố  
Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam**

**Địa chỉ liên lạc: Số 17/24 Đường Nguyễn Du, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố  
Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam**

**TRƯỞNG PHÒNG**



**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

*Nguyễn Xuân Thiên*

**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**MINISTRY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY**

**TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG**  
**DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY**

*Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ và Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21/01/2022 của Chính phủ*  
*Based on the Decree No 74/2018/NĐ-CP dated 15/5/2018 of the Government and the Decree No 13/2022/NĐ-CP dated 21/01/2022 of the Government*

# **CHỨNG NHẬN**

*Certifying*

**CÔNG TY CỔ PHẦN NIKKO PHARMA**  
**NIKKO PHARMA JOINT STOCK COMPANY**

**Địa chỉ** Số 17/24 Đường Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam  
**Address**

được quyền sử dụng mã số sau đây:  
*to have right of using the following*

Mã doanh nghiệp GS1  
*GS1 Company Prefix*

**8938548467**

Ngày hết hiệu lực:  
*Period of validation*

**07/12/2025**

Số giấy chứng nhận: B063746  
Registered No  
Số đăng ký: 4390/22  
Reference No

*Hà Nội, 07/12/2022*  
**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG**  
**PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**  
**PP. DIRECTOR GENERAL**  
**DEPUTY DIRECTOR GENERAL**



**Nguyễn Hoàng Linh**



## CERTIFICATE OF REGISTRATION

This is to certify that

**NIKKO PHARMA JOINT STOCK COMPANY**

17/24 Nguyen Du Street, Nguyen Du Ward,  
Nam Dinh City, Nam Dinh Province, Vietnam

DUNS: 62-610-6118

has been duly registered<sup>(1)</sup> its food facility with the United States Food and Drug Administration (U.S. FDA) by Finch Law under Section 415 of the Federal Food, Drug, and Cosmetic Act (FD&C Act) which was amended by the FDA Food Safety Modernization Act (FSMA) and the Public Health Security and Bioterrorism Preparedness and Response Act of 2002 (the Bioterrorism Act of 2002).

**U.S. FDA Food Facility Registration No. (FFR#): 18859107496**

**U.S. Agent for correspondent: Hollis Consultancy, LLC**

**5323 Dahlonga Hwy, Clermont, Georgia, 30527, USA**

This Certificate shall be valid as of the effective date of registration and remain effective until the expiry date stated in this Certificate, subject to the maintenance of the U.S. Agent's role, the compliance of the FD&C Act, the FSMA, the Bioterrorism Act of 2002 and other laws, rules and regulations issued thereunder.

Quyen T.L. Mai  
Managing Lawyer

Cert. No: FL0862403106  
Effective date: 19 March, 2024  
Expiry date: 14 March, 2025



**FINCH LAW**

Fimexco Building, 231-233 Le Thanh Ton,  
Ben Thanh Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
Tel: +84 88 969 8877 | Email: info@finchlaw.com.vn  
www.finchlaw.com.vn | www.dangkyfda.vn

**Disclaimer:**

Except for the affirmation of registration outlined in this Certificate, we, Finch Law and U.S Agent<sup>(2)</sup>, make no representation, guarantee, or warranty of any kind, express or implied, including without limitation, concerning the above-stated facility, its products or its quality of products. Therefore, we hereby disclaim and exclude all other warranties in connection with the foregoing.

**Remarks:**

(1) The registration does not denote approval or authorization of the above-stated facility, its products or its quality of products. The FDA does not issue registration certificates to food nor does the FDA certify information for facilities that have registered their facilities with FDA. This certificate is therefore not for use in legal proceedings.

(2) Finch Law and U.S Agent are not affiliated with U.S. FDA.



Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2022

## GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 6036/2022/ĐKSP

Cục an toàn thực phẩm xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

Tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN NIKKO PHARMA

Địa chỉ: Số 17/24 Đường Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Điện thoại: 0919469788

Fax:

Email: nikkopharma@gmail.com

Cho sản phẩm: Thực phẩm bảo vệ sức khỏe LIVER BOOST;; do:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM FRESH LIFE

Địa chỉ: 1/2 Lô 25+26+29 Cụm CN An Xá, Phường Mỹ Xá, Thành Phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam sản xuất, phù hợp:

Theo tiêu chuẩn nhà sản xuất số: 01/2022/TCSP ngày 19 tháng 09 năm 2022 (có bản tiêu chuẩn nhà sản xuất đính kèm)

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

**Nơi nhận:**

- Tổ chức, cá nhân;
- Lưu trữ.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Nguyễn Hùng Long**

Số: 1189/2023/XNQC-ATTP

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2023

## GIẤY XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN NIKKO PHARMA

Địa chỉ: Số 17/24 Đường Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Điện thoại: 0919469788

Fax:

| STT | Tên sản phẩm                             | Số, ký hiệu của Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố |
|-----|------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| 1   | Thực phẩm bảo vệ sức khỏe<br>LIVER BOOST | 6036/2022/ĐKSP                                     |

Phương tiện quảng cáo:

Tờ rơi, apphich, poster, sản phẩm in

Tờ rơi, apphich, poster, sản phẩm in, tờ rơi, apphich, poster, sản phẩm in Quảng cáo trên mạng xã hội (Facebook, Instagram, Twiter...) Quảng cáo trên trang thương mại điện tử (Tiki, Shopee, Lazada...) - Quảng cáo bằng áp phích, tờ rơi, tờ dán, poster, - Quảng cáo trên sách, cẩm nang, báo điện tử - Quảng cáo tại các hội nghị, hội thảo, triển lãm, sự kiện, chương trình văn hóa, thể thao; nhà thờ, điểm bán vé xe khách, tàu, sân bay. - Quảng cáo trên vật phẩm in (quà tặng, giá, kệ, thùng xe,...) xe di động. - Quảng cáo qua email, SMS, wifi. - Quảng cáo bằng người chuyên tải sản phẩm quảng cáo, vật thể quảng cáo, quy hoạch quảng cáo

Quảng cáo trên website

Quảng cáo bằng băng rôn

Quảng cáo bằng màn hình điện tử

Quảng cáo trên báo chí

Quảng cáo bằng biển, bảng, pano

Quảng cáo tại các nhà chờ, điểm bán vé xe buýt

Trong hội thảo, hội nghị, đào tạo và trong hộp sản phẩm

Có nội dung quảng cáo (đính kèm) đã được duyệt phù hợp với quy định hiện hành.



**KT. CỤC TRƯỞNG**  
**PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Trần Việt Nga**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4220800930-2

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN NIKKO PHARMA
2. Địa chỉ/ Client's Address : Số 17/24 Đường Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/08/2022  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/08/2022  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 12/08/2022
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : Thực phẩm bảo vệ sức khỏe LIVER BOOST  
Sản xuất tại: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM FRESH LIFE  
Địa chỉ: 1/2 Lô 25+26+29 Cụm CN An Xá, Phường Mỹ Xá, Thành Phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Dạng viên nang cứng, đựng trong lọ nhựa 30 viên, bên ngoài bọc bao bì kín, nhãn in rõ ràng
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :



# TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề Shophouse D1 tại Khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4220800930-2

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                            | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method     |
|-------------|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-------------------------------------|
| 1           | LH Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)           | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/g           | 10           | TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)      |
| 2           | LH Coliforms (*) / Coliforms (*)                                       | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/g           | 10           | TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)      |
| 3           | LH Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/g           | 10           | TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001) |
| 4           | LH Tổng số nấm men nấm mốc (*) / Yeasts and moulds (*)                 | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/g           | 10           | TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) |
| 5           | LH Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*) | 9.0x10 <sup>1</sup>              | CFU/g           | 10           | TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)  |
| 6           | LH Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | ppm             | 0.003        | TS-KT-QP-27:2021                    |
| 7           | LH Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)                               | Không phát hiện/<br>Not Detected | ppm             | 0.003        | TS-KT-QP-27:2021                    |
| 8           | LH Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | ppm             | 0.003        | TS-KT-QP-27:2021                    |

## Chú thích/ Remarks:

- 1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- 2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- 3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- 4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT  
TECHNICAL MANAGER


NGUYỄN HỮU TRUYỀN

GIÁM ĐỐC  
DIRECTOR


NGUYỄN MINH NHỰT

## TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề Shophouse D1 tại Khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.



Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2023

## GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 4767/2023/ĐKSP

Cục an toàn thực phẩm xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

Tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN NIKKO PHARMA

Địa chỉ: Số 17/24 Đường Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Điện thoại: 0919469788

Fax:

Email: info.nikkopharma@gmail.com

Cho sản phẩm: Thực phẩm bảo vệ sức khỏe FLEX POWER;; do:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM FRESH LIFE

Địa chỉ: 1/2 Lô 25+26+29 Cụm CN An Xá, Phường Mỹ Xá, Thành Phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam sản xuất, phù hợp:

Theo tiêu chuẩn nhà sản xuất số: 01/2023/TCSP ngày 16 tháng 02 năm 2023 (có bản tiêu chuẩn nhà sản xuất đính kèm)

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

### Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;
- Lưu trữ.

KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Hùng Long

Số: 1397/2023/XNQC-ATTP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2023

## GIẤY XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN NIKKO PHARMA

Địa chỉ: Số 17/24 Đường Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Thành phố Nam Định,  
Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Điện thoại: 0919469788

Fax:

| STT | Tên sản phẩm                         | Số, ký hiệu của Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố |
|-----|--------------------------------------|----------------------------------------------------|
| 1   | Thực phẩm bảo vệ sức khỏe FLEX POWER | 4767/2023/ĐKSP                                     |

Phương tiện quảng cáo:

Tờ rơi, apphich, poster, sản phẩm in  
Quảng cáo trên các báo điện tử, mạng xã hội, facebook, zalo. Quảng cáo trên các  
ấn phẩm, tài liệu, công cụ, vật dụng truyền thông: tờ rơi, báo, bìa quyền sở, poster,  
catalogue. Quảng cáo trên kệ, tủ trưng bày, vật dụng trưng bày tại các điểm bán  
hàng, nhà thuốc, quầy thuốc. Quảng cáo trên các phương tiện di động.

Quảng cáo trên website

Quảng cáo bằng băng rôn

Quảng cáo bằng màn hình điện tử

Quảng cáo trên báo chí

Quảng cáo bằng biển, bảng, pano

Quảng cáo tại các nhà chờ, điểm bán vé xe buýt

Trong hội thảo, hội nghị, đào tạo và trong hộp sản phẩm

Có nội dung quảng cáo (đính kèm) đã được duyệt phù hợp với quy định hiện hành.

Yêu cầu tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quảng cáo đúng nội dung đã được xác nhận.



**KT. CỤC TRƯỞNG**  
**PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Trần Việt Nga**



Trang/ Page No: 1/2

**AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC**  
**TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK**



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: AVA2230500762-17

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN NIKKO PHARMA  
Địa chỉ/ Client's Address : Số 17/24 Đường Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam  
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 12/05/2023  
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 19/05/2023  
Thông tin mẫu/ Name of Sample : Thực phẩm bảo vệ sức khỏe FLEX POWER  
Sản xuất tại: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM FRESH LIFE  
Địa chỉ: 1/2 Lô 25+26+29 Cụm CN An Xá, Phường Mỹ Xá, Thành Phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.  
Mô tả mẫu/ Sample Description : Dạng viên nang cứng, đựng trong lọ nhựa 30 viên, bên ngoài bọc bao bì kín, nhãn in rõ ràng  
Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                            | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                       |
|-------------|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-------------------------------------------------------|
| 1           | Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) /<br>Total aerobic microorganisms (*) | 6.2 x 10 <sup>2</sup>            | CFU/g           | -            | TCVN 4884-1:2015<br>(ISO 4833-1:2013)                 |
| 2           | Clostridium perfringens (*) /<br>Clostridium perfringens (*)           | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/g           | 10           | TCVN 4991:2005<br>(ISO 7937:2004)                     |
| 3           | Coliforms (*) / Coliforms (*)                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/g           | 10           | TCVN 6848:2007<br>(ISO 4832:2006)                     |
| 4           | Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                            | Không phát hiện/<br>Not Detected | MPN/g           | 0            | TCVN 7924-3:2017<br>(ISO 16649-3:2015)                |
| 5           | Tổng số nấm men nấm mốc (*) /<br>Yeasts and Molds (*)                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/g           | 10           | TCVN 8275-2:2010<br>(ISO 21527-2:2008)                |
| 6           | Cadimi (Cd)(*) / Cadmium (Cd)(*)                                       | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/kg           | 0.01         | AVA-KN-PP.QP/011 (Ref.AOAC<br>999.10-2005- Pb and Cd) |



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: AVA2230500762-17

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                      |
|-------------|---------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|------------------------------------------------------|
| 7           | Chì (Pb)(*) / Lead (Pb)(*)                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/kg           | 0.02         | AVA-KN-PP.QP.012 (Ref AOAC<br>999.10-2005 Pb and Cd) |
| 8           | Thủy ngân (Hg) (**) / Mercury (Hg)<br>(**)  | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/kg           | 0.02         | AOAC 2015.03                                         |

**Chú thích/ Remarks:**

- 1.(\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- 2.(\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- 3.GHPH/LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- 4.Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- 5.Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.

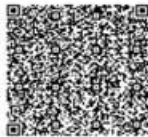
**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**



BỘ Y TẾ  
CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2024

## GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 309/2024/ĐKSP

Cục an toàn thực phẩm xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

Tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN NIKKO PHARMA

Địa chỉ: Số 17/24 Đường Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Điện thoại: 0919469788

Fax:

Email: info.nikkopharma@gmail.com

Cho sản phẩm: Thực phẩm bảo vệ sức khỏe ImmuneSys+;; do:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM FRESH LIFE

Địa chỉ: ½ lô 25+26+29 Cụm công nghiệp An Xá, phường Mỹ Xá, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam sản xuất, phù hợp:

Theo tiêu chuẩn nhà sản xuất số: 03A.11/2023/TCSX-NIKKO, ngày 15 tháng 12 năm 2023 (Đính kèm bản tiêu chuẩn sản phẩm)

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

### Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;
- Lưu trữ.

KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Hùng Long



Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: AVA2231101344-1

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN NIKKO PHARMA  
Địa chỉ/ Client's Address : Số 17/24 Đường Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam  
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 17/11/2023  
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 17/11/2023 - 22/11/2023  
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 22/11/2023  
Thông tin mẫu/ Name of Sample : THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHOẺ IMMUNESYS+  
CÔNG TY SẢN XUẤT: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM FRESH LIFE  
ĐỊA CHỈ: ½ LÔ 25+26+29 CỤM CÔNG NGHIỆP AN XÁ, PHƯỜNG MỸ XÁ, THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH, VIỆT NAM  
Mô tả mẫu/ Sample Description : Sản phẩm dạng viên nang cứng đựng trong vỉ màng. Hộp 3 vỉ x 10 viên  
Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                         | Kết Quả/<br>Result (s)                           | Đơn Vị/<br>Unit | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                    |
|-------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------------|
| 1           | Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*) | 2.2x10 <sup>2</sup>                              | CFU/g           | TCVN 4884-1:2015<br>(ISO 4833-1:2013)              |
| 2           | Coliforms (*) / Coliforms (*)                                       | Không phát hiện/<br>Not Detected<br>(LOQ = 10)   | CFU/g           | TCVN 6848:2007<br>(ISO 4832:2006)                  |
| 3           | Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                         | Không phát hiện/<br>Not Detected<br>(LOQ = 10)   | CFU/g           | TCVN 7924-2:2008<br>(ISO 16649-2:2001)             |
| 4           | Tổng số nấm men nấm mốc (*) / Yeasts and Molds (*)                  | Không phát hiện/<br>Not Detected<br>(LOQ = 10)   | CFU/g           | TCVN 8275-2:2010<br>(ISO 21527-2:2008)             |
| 5           | Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)           | Không phát hiện/<br>Not Detected<br>(LOQ = 10)   | CFU/g           | TCVN 4991:2005<br>(ISO 7937:2004)                  |
| 6           | Cadimi (Cd)(*) / Cadmium (Cd)(*)                                    | Không phát hiện/<br>Not Detected<br>(LOD = 0.01) | mg/kg           | AVA-KN-PP.QP/011 (Ref.AOAC 999.10-2005- Pb and Cd) |





KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: AVA2231101344-1

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s)                           | Đơn Vị/<br>Unit | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                     |
|-------------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------------------|
| 7           | Chì (Pb)(*) / Lead (Pb)(*)                  | Không phát hiện/<br>Not Detected<br>(LOD = 0.02) | mg/kg           | AVA-KN-PP.QP/012 (Ref. AOAC 999.10-2005- Pb and Cd) |
| 8           | Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)       | Không phát hiện/<br>Not Detected<br>(LOD = 0.02) | mg/kg           | AVA-KN-PP.QP/013 (Ref. AOAC 974.14-2005-Hg)         |

Chú thích/ Remarks:

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ : Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT  
TECHNICAL MANAGER

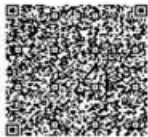
NGUYỄN HỮU TRUYỀN

GIÁM ĐỐC  
DIRECTOR



HỌ THỊ THANH PHƯƠNG





BỘ Y TẾ  
CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2023

## GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 9688/2023/ĐKSP

Cục an toàn thực phẩm xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

Tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN NIKKO PHARMA

Địa chỉ: Số 17/24 Đường Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Điện thoại: 0919469788

Fax:

Email: info.nikkopharma@gmail.com

Cho sản phẩm: Thực phẩm bảo vệ sức khỏe Ageless Beauty+;; do:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM FRESH LIFE

Địa chỉ: ½ lô 25+26+29 Cụm công nghiệp An Xá, phường Mỹ Xá, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam sản xuất, phù hợp:

Theo tiêu chuẩn sản phẩm số: 02.11C/2023/TCSX-NIKKO, ngày 08 tháng 12 năm 2023  
(Đính kèm bản tiêu chuẩn sản phẩm)

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

### Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;
- Lưu trữ.

KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Hùng Long



Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: AVA2231100571-1

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN NIKKO PHARMA  
Địa chỉ/ Client's Address : Số 17/24 Đường Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam  
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 05/11/2023  
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 05/11/2023 - 10/11/2023  
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/11/2023  
Thông tin mẫu/ Name of Sample : THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHỎE AGELESS BEAUTY+  
CÔNG TY SẢN XUẤT: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM FRESH LIFE  
ĐỊA CHỈ: ½ LÔ 25+26+29 CỤM CN AN XÁ, PHƯỜNG MỸ XÁ, THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH, VIỆT NAM  
Mô tả mẫu/ Sample Description : Sản phẩm dạng viên nang cứng đựng trong vỉ. Hộp 3 vỉ x vỉ 10 viên  
Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/ No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)                            | Kết Quả/ Result (s)                        | Đơn Vị/ Unit | Phương Pháp Thử/ Test Method                       |
|----------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------|----------------------------------------------------|
| 1        | Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*) | 1.9x10 <sup>2</sup>                        | CFU/g        | TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)                 |
| 2        | Coliforms (*) / Coliforms (*)                                       | Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)   | CFU/g        | TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)                     |
| 3        | Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                         | Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)   | CFU/g        | TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)                |
| 4        | Tổng số nấm men nấm mốc (*) / Yeasts and Molds (*)                  | Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)   | CFU/g        | TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)                |
| 5        | Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)           | Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)   | CFU/g        | TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)                     |
| 6        | Cadimi (Cd)(*) / Cadmium (Cd)(*)                                    | Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.01) | mg/kg        | AVA-KN-PP.QP/011 (Ref.AOAC 999.10-2005- Pb and Cd) |





Trang/ Page No: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: AVA2231100571-1

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s)                           | Đơn Vị/<br>Unit | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                     |
|-------------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------------------|
| 7           | Chì (Pb)(*) / Lead (Pb)(*)                  | Không phát hiện/<br>Not Detected<br>(LOD = 0.02) | mg/kg           | AVA-KN-PP.QP/012 (Ref. AOAC 999.10-2005- Pb and Cd) |
| 8           | Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)       | Không phát hiện/<br>Not Detected<br>(LOD = 0.02) | mg/kg           | AVA-KN-PP.QP/013 (Ref. AOAC 974.14-2005-Hg)         |

Chú thích/ Remarks:

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- <sup>(CN)</sup> : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ <sup>(CN)</sup> : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT  
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN HỮU TRUYỀN

GIÁM ĐỐC  
DIRECTOR



HỒ THỊ THANH PHƯƠNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 01/NIKKOPHARMA/2023



**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm**

Tên tổ chức : **CÔNG TY CỔ PHẦN NIKKO PHARMA**

Địa chỉ : Số 17/24 Đường Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Điện thoại : 0919469788

Mã số doanh nghiệp: 0601233898

Giấy chứng nhận ATTP: không thuộc đối tượng cấp

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm:

**Thực phẩm bổ sung Bữa ăn lành mạnh DailyFit** (dành cho người từ 3 tuổi trở lên)

2. Thành phần: Các loại bột ngũ cốc (Yến mạch, Đậu xanh, Đậu hà lan xanh, Gạo lứt, Đậu đỏ nhỏ, Đậu ngự, Đậu đen, Đậu trắng, Đậu lăng, Hạt sen, Hạt óc chó, Hạt macca, Hạt hạnh nhân, Hạt điều, Mè đen, Hạt bí, Hạt chia, Hương dương, Hạt dẻ cười), Đạm đậu Hà Lan, Bột kem thực vật, Tinh bột bắp biến tính, Đạm Whey, Chất tạo ngọt tổng hợp Isomalt (INS 953) 1%, Chất xơ hòa tan (Fos - Prebiotics), Chiết xuất tảo xoắn Spirulina, Hỗn hợp vitamin và khoáng chất (Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin C, Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B3, Vitamin B5, Vitamin B6, Vitamin B9, Vitamin B12, Vitamin B7, Vitamin K1, Canxi, Kẽm, Magie, Crom, I ốt, Mangan, Đồng, Sắt, Phospho, Selen, Molybden), Tảo biển đỏ (Aquamin F), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (Hương sữa), DHA, Sữa non, Taurine, Konjac gum (INS 425), L-Lysine HCl, Chiết xuất cỏ ngọt, Lactase, Amylase, Lipase, Chiết xuất tảo nâu (Fucoidan Powder), Lợi khuẩn (Lactobacillus Rhamnosus), Vitamin K2/MK7, Beta Glucan, Protease, Cellulase.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất  
Ngày sản xuất và hạn sử dụng xem trên bao bì sản phẩm

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Lon: 150g, 350g, 400g, 500g, 550g, 700g, 800g, 850g, 900g...;

Gói: 5g, 10g, 20g, 25g, 30g, 50g, 100g, 150g. Hộp: 5 gói, 10 gói, 20 gói, 22 gói...

- Chất liệu bao bì: Lon/hộp thiếc/nhựa, túi tráng bạc/thiếc, túi giấy, thìa nhựa tiếp xúc trực tiếp đảm bảo yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

- Quy cách đóng gói có thể thay đổi tùy thuộc vào điều kiện, nhu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Sản xuất tại: Công ty cổ phần công nghệ dinh dưỡng HOHA

- Địa chỉ trụ sở: Xóm mới, Xã Hồng Lạc, Huyện Thanh Hà, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

- Địa điểm sản xuất: Cụm công nghiệp Ba Hàng, Phường Nam Đồng, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

- Giấy chứng nhận hệ thống quản lý ATTP (ISO 22000:2018) số: 1231350390; ngày cấp: 04/03/2023; nơi cấp: Trung tâm giám định và chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy Vietcert.

### **III. Mẫu nhãn sản phẩm (Có mẫu nhãn đính kèm)**

### **IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm Thực phẩm bổ sung BỮA ĂN LÀNH MẠNH DAILYFIT (dành cho người từ 3 tuổi trở lên) đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Tiêu chuẩn sản xuất số: 21/2023/TCSPDAILYFIT

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.



Nam Định, ngày 16 tháng 11 năm 2023

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**



CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM GIÁM ĐỐC  
**TRẦN TRỌNG TRÌNH**



Mã số/ Code: DV231019.15/01

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

### I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

- Tên Khách hàng/ : CÔNG TY CỔ PHẦN NIKKO PHARMA  
Customer's Name
- Địa chỉ/ : Số 17/24 Đường Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Thành Phố Nam Định, Tỉnh  
Address Nam Định, Việt Nam
- Tên mẫu thử/ : Thực phẩm bổ sung Bữa ăn lành mạnh DailyFit  
Name of Sample
- Mô tả mẫu/ : Mẫu ngũ cốc đựng trong bao bì kín  
Sample Description
- Ngày nhận mẫu/ : 19/10/2023  
Date sample received
- Thời gian lưu mẫu/ : Không có mẫu lưu  
Sample retention time
- Ngày thử nghiệm/ : 19/10/2023-26/10/2023  
Date of test
- Ngày trả kết quả/ : 26/10/2023  
Date of issue

### II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

| STT<br>No. | Chỉ tiêu<br>Parameter(s)          | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result(s) | Phương pháp thử<br>Test Method                                            |
|------------|-----------------------------------|----------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Độ ẩm                             | %              | 6                    | ISO 712:2009                                                              |
| 2          | Carbohydrate                      | %              | 45,55                | VNT.H.03.Fo.187                                                           |
| 3          | Năng lượng                        | Kcal/100g      | 404,66               | Calculate (included testing fat, carbohydrate, protein, food composition) |
| 4          | Béo tổng*                         | %              | 7,86                 | TCVN 6555:2017                                                            |
| 5          | Đạm tổng*                         | %              | 37,93                | TCVN 8125:2015                                                            |
| 6          | MUFA (Axit béo không bão hòa đơn) | %              | 1,57                 | AOAC 996.06                                                               |
| 7          | PUFA (Axit béo không bão hòa đa)  | %              | 1,42                 | AOAC 996.06                                                               |
| 8          | Chì (Pb)*                         | mg/kg          | KPH<br>(LOD = 0,025) | TCVN 8126:2009                                                            |
| 9          | Cadimi (Cd)*                      | mg/kg          | KPH<br>(LOD = 0,01)  | TCVN 8126:2009                                                            |
| 10         | Thủy ngân (Hg)                    | mg/kg          | KPH<br>(LOD = 0,01)  | TCVN 7604:2007                                                            |

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV231019.15/01

| STT<br>No. | Chỉ tiêu<br>Parameter(s)         | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result(s)  | Phương pháp thử<br>Test Method              |
|------------|----------------------------------|----------------|-----------------------|---------------------------------------------|
| 11         | Arsen (As)*                      | mg/kg          | KPH<br>(LOD = 0,05)   | VNT.H.03.Fo.98 (2022)                       |
| 12         | Thiếc (Sn)**                     | mg/kg          | KPH<br>(LOD = 0,03)   | TS-KT-QP-29                                 |
| 13         | Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)* | µg/kg          | KPH<br>(LOD = 1,2)    | VNT.H.03.Fo.78 (2021)<br>(Ref. AOAC 994.08) |
| 14         | Aflatoxin B1*                    | µg/kg          | KPH<br>(LOD = 1,2)    | VNT.H.03.Fo.78 (2021)<br>(Ref. AOAC 994.08) |
| 15         | Ochratoxin A (OTA)*              | µg/kg          | KPH<br>(LOD = 0,5)    | VNT.H.03.Fo.79 (2021)                       |
| 16         | Deoxynivalenol (DON)*            | µg/kg          | KPH<br>(LOD = 30)     | VNT.H.03.Fo.180 (2021)                      |
| 17         | Zearalenone (ZEN)*               | µg/kg          | KPH<br>(LOD = 3)      | VNT.H.03.Fo.181 (2021)                      |
| 18         | Tổng số vi sinh vật hiếu khí*    | CFU/g          | 2,6 x 10 <sup>2</sup> | TCVN 4884-1:2015                            |
| 19         | Tổng số nấm men - nấm mốc*       | CFU/g          | 3 x 10 <sup>1</sup>   | TCVN 8275-2:2010                            |
| 20         | Coliforms*                       | CFU/g          | KPH<br>(LOD = 10)     | TCVN 6848-2:2007                            |
| 21         | E. coli*                         | CFU/g          | KPH<br>(LOD = 10)     | TCVN 7924-2:2008                            |
| 22         | Staphylococcus aureus*           | CFU/g          | KPH<br>(LOD = 10)     | TCVN 4830-1:2005                            |
| 23         | Clostridium perfringens*         | CFU/g          | KPH<br>(LOD = 10)     | TCVN 4991:2005                              |
| 24         | Bacillus cereus*                 | CFU/g          | KPH<br>(LOD = 10)     | TCVN 4992:2005                              |

**Ghi chú/ Note:**

- KPH: Không phát hiện / Not detected.

- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp / Limit of detection of method.

**PHÒNG KIỂM NGHIỆM**

QC Manager

**VŨ THỊ KIM THANH**

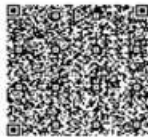
**VIỆN TRƯỞNG**

DIRECTOR



**THS. TRỊNH CÔNG SƠN**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



BỘ Y TẾ  
CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2024

## GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 310/2024/ĐKSP

Cục an toàn thực phẩm xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

Tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN NIKKO PHARMA

Địa chỉ: Số 17/24 Đường Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Điện thoại: 0919469788

Fax:

Email: info.nikkopharma@gmail.com

Cho sản phẩm: Thực phẩm bảo vệ sức khỏe DiabeCare+;; do:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM FRESH LIFE

Địa chỉ: ½ lô 25+26+29 Cụm công nghiệp An Xá, phường Mỹ Xá, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam sản xuất, phù hợp:

Theo tiêu chuẩn sản phẩm số: 01.11B/2023/TCSX-NIKKO, ngày 21 tháng 12 năm 2023 (Đính kèm bản tiêu chuẩn sản phẩm)

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

### Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;
- Lưu trữ.

KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Hùng Long

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM FRESH LIFE CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Phòng Kiểm tra chất lượng Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
-----0000-----

## PHIẾU KIỂM NGHIỆM

Số PKN: TP154

Mẫu kiểm nghiệm: Thực phẩm bảo vệ sức khỏe DiabeCare+  
Xuất xứ: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM FRESH LIFE  
Nhà phân phối: CÔNG TY CỔ PHẦN NIKKO PHARMA  
Mã số mẫu: TP154.11 Số lô: 0124  
Ngày SX: 05/11/2024 Hạn dùng: 05/11/2027  
Ngày lấy mẫu: 05/11/2024  
Ngày kiểm tra: 05/11/2024  
Yêu cầu thử nghiệm: Chất lượng  
Thử theo tiêu chuẩn: TCCS  
Tình trạng mẫu: Hộp 01 lọ, 60 viên nang cứng, nguyên tem

| CHỈ TIÊU                                                                                                                    | KẾT QUẢ           |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1. Tính chất: Viên nang cứng, bột trong viên màu nâu, bột viên tơi xốp                                                      | Đúng              |
| 2. Khối lượng trung bình viên: 550mg $\pm$ 7,5%                                                                             | Đạt               |
| 3. Độ rã: không quá 30 phút                                                                                                 | Đạt               |
| 4. Định tính: Mẫu thử phải thể hiện được phép định tính của Dây thìa canh, bằng lăng, mướp đắng                             | Đạt               |
| 5. Định lượng: Hàm lượng Chitosan oligosaccharide, Kẽm đạt từ 80% đến 120%, hàm lượng Crom không nhỏ hơn 100mcg.            | Đạt               |
| 6. Vi sinh vật:<br>- Tổng số VSVHK $\leq 10^4$ cfu/g<br>- Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc $\leq 10^2$ cfu/g<br>- E.coli KPH | Đạt<br>Đạt<br>KPH |

Kết luận: Thực phẩm bảo vệ sức khỏe DiabeCare+ lô 0124 đạt chỉ tiêu kiểm tra trên  
Nam Định, ngày 13 tháng 11 năm 2024

Trưởng phòng KTCL

Bùi Thị Lan Hương



Ds. Nguyễn Kim Tân

BỘ Y TẾ  
CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM

Số: 33/2022/ATTP-CNGMP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Tên cơ sở: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM FRESH LIFE

Địa chỉ: 1/2 lô 25 + 26 + 29 cụm công nghiệp An Xá, phường Mỹ Xá, thành phố Nam Định,  
tỉnh Nam Định, Việt Nam

**ĐẠT YÊU CẦU THỰC HÀNH SẢN XUẤT TỐT (GMP)**  
**THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHỎE**

Đối với các dạng sản phẩm sau: viên nén, viên nén bao phim, viên nén sủi, viên nang cứng,  
cốm/cốm sủi, bột, dung dịch

GIẤY CHỨNG NHẬN NÀY CÓ GIÁ TRỊ 3 NĂM KỂ TỪ NGÀY KÝ

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2022

KI. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG

  
  
Nguyễn Hùng Long



# GIẤY CHỨNG NHẬN Certificate

Chứng nhận Hệ thống Quản lý Chất lượng của:  
*This is to certify that the Quality Management System of:*

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM FRESH LIFE**  
**FRESH LIFE PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY**

Trụ sở: 1/2 lô 25+26+29 Cụm CN An Xá, Phường Mỹ Xá, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam  
*Address: 1/2 lot 25+26+29 An Xa Industrial Cluster, My Xa Ward, Nam Dinh City, Nam Dinh Province, Viet Nam*

Được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn  
*Has been assessed and found to conform with the requirements of following standard:*

**TCVN ISO 9001:2015 / ISO 9001:2015**

Cho lĩnh vực/ *For the following activities:*

- Sản xuất và kinh doanh các loại thực phẩm, thực phẩm chức năng, thực phẩm bảo vệ sức khỏe dạng rắn (viên nén, viên nén bao phim, viên nén sủi, cốm – bột cốm sủi, cốm – bột cốm thường, trà hòa tan, viên nang cứng); dạng ướt (dung dịch, hỗn dịch, gel) và nguyên liệu sản xuất thực phẩm
- Sản xuất và kinh doanh mỹ phẩm dạng khô (viên, cốm – bột); dạng ướt (dung dịch, hỗn dịch, Cream/kem, gel)
- Sản xuất và kinh doanh trang thiết bị y tế dạng viên nén, viên pha dung dịch, bột, bột pha dung dịch, dung dịch, hỗn dịch, Cream/kem, gel
- Production and sales of foods, functional foods, solid health protection foods (tablets, film-coated tablets, effervescent tablets, granules - effervescent granola powder, granules - regular granola powder, tea soluble, hard capsule); Wet form (liquid, suspension, gel) and raw materials for food production
- Production and sales of dry cosmetics (tablets, granules - powder); Wet form (solution, suspension, Cream/cream, gel)
- Production and sales of medical equipment in the form of tablets, tablets for solution, powder, powder for solution, solution, suspension, Cream/cream, gel

Số giấy chứng nhận/Certificate No.:

Ngày cấp/Issued date:

Ngày hết hạn/Expiry date:



**Đỗ Thị Thuý**  
General Director

# GIẤY CHỨNG NHẬN Certificate

**Chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của:**  
*This is to certify that the food safety management system of:*

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM FRESH LIFE  
FRESH LIFE PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY**

**Trụ sở: 1/2 lô 25+26+29 Cụm CN An Xá, Phường Mỹ Xá, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam**  
*Address: 1/2 lot 25+26+29 An Xa Industrial Cluster, My Xa Ward, Nam Dinh City, Nam Dinh Province, Viet Nam*

**Được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn**  
*Has been assessed and found to conform with the requirements of following standard:*

**ISO 22000:2018/TCVN ISO 22000:2018**

**Cho lĩnh vực/ For the following activities:**

**Sản xuất và kinh doanh thực phẩm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe cho các dạng:  
Dung dịch, dạng rắn (viên nén, viên nén bao phim, viên nén sủi, viên nang  
cứng, cốm – bột sủi, cốm – bột) và nguyên liệu cho sản xuất thực phẩm**

*Producing and trading in food and health food for the following forms: Solution, solid  
form (tablets, film-coated tablets, effervescent tablets, hard capsules, nuggets - effervescent  
powder, nuggets - powder) and raw materials for food production*

**Số giấy chứng nhận/Certificate No.:**

**Ngày cấp/Issued date:**

**Ngày hết hạn/Expiry date:**

0019.001.023/FSMS

18/8/2023

17/8/2026



**Đỗ Thị Thuý**  
General Director

# CERTIFICATE



Certify that the good manufacturing practices (GMP) of

## HOHA NUTRITIOUS TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

**Address:** Moi Hamlet, Hong Lac commune, Thanh Ha district, Hai Duong province, Vietnam

**Manufacturing location:** Ba Hang Industrial Cluster, Nam Dong ward, Hai Duong city, Hai Duong province, Vietnam.

Has been assessed and found to be in conformance with the requirements set forth by:

### GMP Codex Alimentarius (TCVN 5603:2023 – Ref CXC 1-1969, Revised 2020)

For the following activities:

- Producing and supplying powdered milk products, formula nutritional products for children up to 36 months old, food supplemented with micronutrients, food for special dietary uses, food for special medical purposes (powdered products).
- Cereal flour and vegetable powder.
- Soluble tea.

(Food code/Category code: CIV)

Certificate no : TQC.09.4012.2

The validity of certificate : From 22/08/2023 to 03/08/2025

From August 04, 2024, this Certificate is valid if there is an announce of the results of surveillance audit to maintain validity 02 times of TQC CGLOBAL attached.

Signed date : 22/08/2023

Retrieval  
information code



TQC.09.4012.2

Certification mark



TQC CERTIFICATE No.  
TQC.09.4012.2

DIRECTOR



La Manh Cuong

VIETNAM UNION OF SCIENCE AND TECHNOLOGY ASSOCIATIONS - TQC CGLOBAL CENTER FOR TESTING AND CERTIFICATION

Verify certificate validity at: <https://tqc.vn/khach-hang-hieu-luc.htm> - Certificate issuing Office: Building no. 51, Lane 140/1 Nguyen Xien Street, Ha Dinh Ward, Thanh Xuan District, Hanoi city, Vietnam.

Hotline Ha Noi: +84969416668, Da Nang: +84968799816, Ho Chi Minh: +84988397156; Email: [certify@tqc.vn](mailto:certify@tqc.vn); Website: <http://tqc.vn>



VIETCERT

# CERTIFICATE

## GIẤY CHỨNG NHẬN

Số/No: 1231350390

Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của/  
*This is to certify that Food Safety Management System of*

### CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ DINH DƯỠNG HOHA *HOHA NUTRITIOUS TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY*

Địa chỉ trụ sở/ *Office address:*

Xóm Mới, xã Hồng Lạc, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương  
*Moi Hamlet, Hong Lac commune, Thanh Ha district, Hai Duong province*

Địa chỉ sản xuất/ *Production address:*

Cụm công nghiệp Ba Hàng, phường Nam Đồng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương  
*Ba Hang Industrial Cluster, Nam Dong ward, Hai Duong city, Hai Duong province*

Được Trung tâm Giám định và Chứng nhận hợp chuẩn hợp quy VietCert đánh giá chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn.

*Has been assessed by the VietCert Certification and inspection centre and found to be in conformance with.*

**ISO 22000:2018**

Cho lĩnh vực/ *for the following activities*

**Sản xuất và cung ứng các sản phẩm sữa dạng bột, sản phẩm dinh dưỡng dành cho trẻ đến 36 tháng tuổi, thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, ngũ cốc và bột rau củ quả**

*Producing and supplying powdered milk products, nutritional products for children up to 36 months old, food supplemented with micronutrients, cereals and fruit and vegetable powder*

Theo quy định của VietCert, chứng chỉ chỉ có giá trị hiệu lực khi thực hiện ít nhất 01 lần giám sát trong suốt thời hạn hiệu lực của chứng chỉ này. Kể từ ngày 19/7/2023 chứng chỉ sẽ chỉ có hiệu lực nếu đi kèm thông báo kết quả đáp ứng yêu cầu giám sát định kỳ

*According to VietCert requirements, the certificate is only valid by at least twice times of surveillance audit within the period of validity. Since 19, July, 2023 the certificate should have been only valid together with the notice letter of annual surveillance audit conclusion*



Ngày hiệu lực/ *Authorized:* 04/3/2023  
Ngày hết hạn/ *Expires:* 18/7/2024

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**PHAN THANH TUẤN**